

TỔNG CÔNG TY ĐT PHÁT TRIỂN
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số: 18 /BC-VECS-HĐQT

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (VECS);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQ-VECS-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-VECS - HĐQT ngày 31/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2025 của VECS;

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, VECS kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 (đã được kiểm toán) và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của VECS, cụ thể như sau:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi:

- Trong năm 2025, mạng lưới các tuyến cao tốc đưa vào khai thác tiếp tục được mở rộng, tạo thêm nhu cầu về dịch vụ quản lý khai thác, vận hành, bảo trì, qua đó mở ra cơ hội để VECS tham gia đấu thầu và mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh;

- VECS đã từng bước mở rộng thị trường dịch vụ, triển khai công tác quản lý khai thác, vận hành trên các tuyến cao tốc mới như Vũng Áng – Cam Lộ, Tuyên Quang – Phú Thọ, góp phần mở rộng thị trường trong lĩnh vực quản lý khai thác đường cao tốc;

- Đội ngũ cán bộ, người lao động của Công ty có kinh nghiệm thực tiễn trong công tác quản lý khai thác đường cao tốc, từng bước đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nghiệp vụ của các gói thầu dịch vụ quản lý khai thác và sửa chữa công trình giao thông;



- Bên cạnh hoạt động dịch vụ chính, VECS tiếp tục duy trì và khai thác một số hoạt động dịch vụ phụ trợ như quảng cáo trên tuyến cao tốc, hợp tác kinh doanh tại trạm dừng nghỉ và Trung tâm điều hành, góp phần hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

2. Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong năm 2025 hoạt động kinh doanh của VECS vẫn gặp phải nhiều khó khăn, thách thức cụ thể:

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ quản lý khai thác, vận hành và bảo trì đường cao tốc phải thực hiện thông qua đấu thầu, mức độ cạnh tranh ngày càng cao, giá dự thầu có xu hướng giảm, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp;

- Một số hợp đồng dịch vụ quản lý khai thác và các gói thầu sửa chữa, xây lắp triển khai trong các năm trước chưa được quyết toán dứt điểm, kéo dài qua nhiều năm, ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền và khả năng cân đối tài chính của Công ty;

- Đối với một số tuyến cao tốc mới đưa vào khai thác, nguồn kinh phí cho giai đoạn đầu khai thác, khai thác tạm còn chậm được bố trí, gây khó khăn cho việc thu hồi chi phí dịch vụ đã thực hiện;

- Chi phí đầu vào có xu hướng tăng, đặc biệt là chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu trong quá trình thực hiện dịch vụ, trong khi đơn giá dịch vụ chịu sự cạnh tranh của thị trường đấu thầu;

- Công tác thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn, một số khoản nợ kéo dài qua nhiều năm, có khoản đã phải thực hiện trích lập dự phòng, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của Công ty;

- Một số hoạt động kinh doanh dịch vụ phụ trợ (trạm dừng nghỉ, hợp tác kinh doanh) còn tồn tại vướng mắc về thủ tục pháp lý, hợp đồng và công tác thanh quyết toán, làm giảm hiệu quả kinh doanh;

Tuy vậy, nhờ tập trung đẩy mạnh công tác thanh toán để thu hồi vốn và kiểm soát chi phí, do vậy cơ bản đảm bảo mục tiêu theo Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đề ra.

II. Kết quả hoạt động các mặt

1. Tình hình triển khai các hoạt động:

1.1 Công tác tổ chức - lao động tiền lương

- Trong năm 2025, công tác tổ chức nhân sự của VECS được triển khai gắn với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Tổng số cán bộ, công nhân viên đến thời điểm 31/12/2025 là 157 người;

- Lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 32,48%;

- Thu nhập bình quân của người lao động đạt khoảng 9,8 triệu đồng/người/tháng

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động với tổng kinh phí 2,734 tỷ đồng;

- Thực hiện thanh toán và chi trả tiền lương cho người lao động đầy đủ theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và quy chế trả lương của Công ty.

1.2 Công tác Đảng, đoàn thể

- VECS hoạt động công tác Đảng và Đoàn thể theo nội quy và quy định làm việc của Đảng ủy cấp trên (Đảng ủy Tổng công ty đường cao tốc Việt Nam)

1.3 Công tác đấu thầu

Trong năm 2025, Công ty đã tham gia đấu thầu và ký kết các Hợp đồng với giá trị là 86,5 tỷ đồng cụ thể như sau:

- Hợp đồng bảo dưỡng thường xuyên đoạn Vũng Áng – Bùng thuộc tuyến cao tốc Vũng Áng – Cam Lộ, đường cao tốc Tuyên Quang – Phú Thọ với giá trị là: 25,7 tỷ đồng;

- Các Hợp đồng sửa chữa và Hợp đồng đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công mở rộng mặt đường giai đoạn II dự án đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai với giá trị 60,8 tỷ đồng;

1.4 Thực hiện công tác đầu tư, xây dựng, quảng cáo và các công việc khác:

- Công tác đầu tư Trạm dừng nghỉ Km171+500:

+ Xây dựng kế hoạch, hoàn thiện hồ sơ hoàn công, hồ sơ quyết toán, phương án tài chính, xác định doanh thu chi phí hợp lý, hợp lệ để báo cáo VEC.

- Công tác khác:

+ Tiếp tục cho thuê vị trí đặt biển quảng cáo tại dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và Cầu Giẽ - Ninh Bình.

+ Đối với Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc: VECS đã ký Hợp đồng với Công ty cổ phần Đầu tư Thành Long, hiện đang triển khai thực hiện.

+ Tiếp tục duy trì hoạt động tài chính tại các ngân hàng (BIDV, Vietinbank).

- **Hoạt động thu hồi công nợ:** Tình hình thu hồi công nợ của Công ty với một số khách hàng nợ đọng kéo dài còn nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan. VECS đã có các văn bản đòi nợ cũng như khởi kiện đối với những khoản nợ khó đòi. Đến 31/12/2025, công nợ phải thu khó đòi của VECS là 12,46 tỷ đồng, số đã trích lập lũy kế đến nay là 12,46 tỷ đồng.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2025 (Theo NQ ĐHCĐ)		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Sản lượng	98,02	98,15	100%
2	Doanh thu	90,82	91,98	101%
3	Chi phí	87,02	87,79	101%
4	Lợi nhuận trước khi trích lập dự phòng	3,80	4,35	114%
5	Trích lập dự phòng		1,56	
6	Lợi nhuận còn lại sau trích lập (4-5)		2,79	

Trong năm 2025 kết quả hoạt động đạt tổng giá trị doanh thu là 91,98 tỷ đồng. Cụ thể như sau:

- Công tác O&M các tuyến Nội Bài – Lào Cai, Mai Sơn – Tam Điệp, Cam Lộ – La Sơn, Cầu Giẽ – Ninh Bình, Hàm Nghi – Vũng Áng, Vũng Áng – Bùng, Tuyên Quang – Phú Thọ: 56,56 tỷ

- Công tác sửa chữa trên tuyến và công tác đảm bảo ATGT mở rộng mặt đường giai đoạn II: 31,4 tỷ

- Công tác xây lắp và kinh doanh dịch vụ khác: 4,02 tỷ

2.2 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh:

Năm 2025 lợi nhuận (chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) 4,35 tỷ đồng trên 3,8 tỷ kế hoạch, đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra 114%. Tuy nhiên, theo quy định phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nên lợi nhuận sau thuế còn lại 2,79 tỷ đồng. Sau khi trừ các khoản trích lập dự phòng và lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2024 chuyển sang thì giá trị còn lại chia cổ tức năm 2025 là 1,9 tỷ.

B. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1. Kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ tăng trưởng theo năm (%)
1	Doanh thu	90,82	91,87	101%
2	Chi phí	87,02	87,99	101%
3	Lợi nhuận	3,8	3,88	102%

Tổng giá trị Doanh thu kế hoạch năm 2026 là 91,87 tỷ đồng, bao gồm:

- Công tác O&M các tuyến Nội Bài – Lào Cai, Mai Sơn – Tam Điệp, Cam Lộ – La Sơn, Cầu Giẽ – Ninh Bình, Hàm Nghi – Vũng Áng, Vũng Áng – Bùng, Tuyên Quang – Phú Thọ: 52,52 tỷ

- Công tác sửa chữa trên tuyến và công tác đảm bảo ATGT mở rộng mặt đường giai đoạn II: 27,15 tỷ

- Công tác xây lắp và kinh doanh dịch vụ khác: 12,10 tỷ

2. Công tác đầu tư:

Thực hiện chủ trương công tác đầu tư máy móc thiết bị: Mua bổ sung xe quét hút, rửa đường và xe tuần đường phục vụ các dự án đang và sẽ triển khai trong thời gian sắp tới.

3. Giải pháp hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2026:

3.1 Ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tập trung triển khai hiệu quả các hợp đồng đang thực hiện như O&M Nội Bài – Lào Cai, Mai Sơn – Tam Điệp, Cam Lộ – La Sơn và các tuyến mới như Tuyên Quang – Phú Thọ, Vũng Áng – Bùng.

- Chủ động tìm kiếm, tham gia đấu thầu các gói quản lý vận hành, bảo trì và xây lắp mới để đảm bảo sản lượng và doanh thu năm 2026.

- Chuẩn bị các điều kiện tham gia đấu thầu gói O&M2 Nội Bài – Lào Cai giai đoạn tiếp theo.

3.2 Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, thanh toán và quyết toán các dự án:

- Phối hợp với các chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ quyết toán các công việc quản lý khai thác và xây lắp còn tồn đọng các năm trước.

- Tập trung tháo gỡ các vướng mắc trong quyết toán các dự án Nội Bài – Lào Cai và Đà Nẵng – Quảng Ngãi nhằm giải phóng nguồn vốn và cải thiện dòng tiền.

3.3 Nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác, vận hành và bảo trì:

- Tổ chức quản lý vận hành các tuyến cao tốc đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và chủ đầu tư.

- Tăng cường kiểm soát chất lượng bảo trì và đẩy nhanh công tác nghiệm thu thanh toán các gói thầu đang thực hiện.

- Chủ động chuẩn bị nhân lực, thiết bị để đáp ứng yêu cầu vận hành các tuyến cao tốc mới.

3.4 Tăng cường công tác đầu tư, khai thác dịch vụ và phát triển nguồn thu:

- Tiếp tục triển khai hợp tác đầu tư, kinh doanh tại trạm dừng nghỉ và các trung tâm điều hành.



- Phát triển hoạt động kinh doanh quảng cáo trên các tuyến cao tốc.
- Tìm kiếm các đối tác phù hợp để hợp tác đầu tư các trạm dừng nghỉ và dịch vụ phụ trợ.

3.5 Đẩy mạnh thu hồi công nợ và quản lý tài chính:

- Tăng cường làm việc với các đối tác để thu hồi các khoản công nợ tồn đọng, đặc biệt là các khoản nợ khó đòi.
- Chủ động cân đối dòng tiền, tối ưu nguồn vốn và kiểm soát chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.6 Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

- Rà soát, bổ sung nhân sự cho các phòng ban và Ban điều hành nhằm đảm bảo năng lực triển khai các dự án.
- Tăng cường đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, cấp chứng chỉ cho cán bộ công nhân viên đảm bảo theo quy định.
- Xây dựng môi trường làm việc ổn định, gắn kết và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026 và phương hướng nhiệm vụ của các năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến chấp thuận để VECS triển khai thực hiện.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHKT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Bùi Thái Hòa

TỔNG CÔNG TY ĐT PHÁT TRIỂN
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /BC-VECS - HĐQT

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty CP Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam.

- Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động năm 2025; Phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị trong năm 2026, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

1. Đánh giá chung

Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027 gồm 05 thành viên: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và 03 ủy viên HĐQT.

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT về cơ bản đã thực hiện tốt nhiệm vụ, vai trò của mình. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên phối hợp với Ban điều hành để kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh và đưa ra các giải pháp phù hợp, hiệu quả cho hoạt động SXKD của Công ty; phối hợp với Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát theo các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Với vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, cùng Ban điều hành chỉ đạo, điều hành, thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch theo Nghị quyết được ĐHĐCĐ đã thông qua; thực hiện chức năng tổ chức chỉ đạo và giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty; quyết định các vấn đề về chính sách, cơ cấu tổ chức, nhân sự của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT; thực hiện hoạt động chỉ đạo, giám sát Ban điều hành thông qua hình thức trực tiếp hoặc bằng văn bản.



2. Đánh giá từng thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao, bảo toàn phát triển nguồn vốn và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc hoàn thành các trách nhiệm chung của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo sự phân công, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy định pháp luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty trong việc triệu tập, tổ chức các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các Nghị quyết đúng quy định pháp luật, đảm bảo kịp thời trong công tác chỉ đạo, ban hành các quyết sách quan trọng tại Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT đã thay mặt HĐQT có ý kiến chỉ đạo Ban điều hành thông qua các cuộc họp định kỳ/đột xuất, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được triển khai hiệu quả và bám sát tình hình SXKD thực tế của Công ty.

- Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, tham gia giám sát hoạt động của Ban Điều hành và các cán bộ quản lý theo sự phân công của HĐQT.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Điều hành

- Về cơ cấu tổ chức: Tổng số thành viên của Ban Điều hành Công ty (Ban Giám đốc) hiện tại có 04 thành viên, gồm: 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. Ban Điều hành đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhằm phát huy năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên trong các lĩnh vực được phân công.

- Về hoạt động giám sát điều hành: Căn cứ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bám sát các chỉ tiêu, định hướng của Nghị quyết ĐHCĐ, của HĐQT, luôn tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

4. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

HQĐT đã chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành trong công tác tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty, luôn bám sát tình hình diễn biến thực tế của thị trường để đề ra các quyết sách đúng đắn, phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, với các chỉ tiêu chính về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2025 (Theo NQ ĐHCĐ)		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
1	Sản lượng	98,02	98,15	100%
2	Doanh thu	90,82	91,98	101%
3	Chi phí	87,02	87,79	101%
4	Lợi nhuận trước khi trích lập dự phòng	3,80	4,35	114%
5	Trích lập dự phòng		1,56	
6	Lợi nhuận còn lại sau trích lập (4-5)		2,79	

Đánh giá: Năm 2025 lợi nhuận (chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) 4,35 tỷ đồng trên 3,8 tỷ kế hoạch, đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra 114%. Tuy nhiên, theo quy định phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nên lợi nhuận sau thuế còn lại 2,79 tỷ đồng. Sau khi trừ các khoản trích lập dự phòng và lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2024 chuyển sang thì giá trị còn lại chia cổ tức năm 2025 là 1,9 tỷ.

5. Nghị quyết và Quyết định của HĐQT

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua tổng số 11 Nghị quyết và Quyết định. Cụ thể những nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	04/VECS-HĐQT-NQ	01/4/2025	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025	100%
2	05/QĐ-VECS-HĐQT	01/4/2025	Quyết định về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
3	16/NQ-VECS-ĐHCĐ	24/4/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
4	21/VECS-HĐQT-NQ	12/5/2025	Nghị quyết HĐQT phiên họp ngày 12/5/2025	100%
5	22/QĐ-HĐQT-VECS	12/5/2025	Quyết định ban hành Quy chế công bố thông tin tại VECS	100%

268
ÔNG
CỔ PH
DỊCH
ING C
IET
GIẤY

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	23/QĐ-HĐQT-VECS	16/5/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Trần Văn Thế, sinh ngày 25/9/1982, trình độ Tiến sỹ kinh tế giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT, nhiệm kỳ 2022-2027	100%
7	24/QĐ-VECS-HĐQT	02/6/2025	Quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm có thời hạn ông Bùi Duy Khánh, Thạc sỹ quản trị kinh doanh, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam	100%
8	29/VECS-HĐQT-NQ	12/8/2025	Nghị quyết HĐQT phiên họp ngày 12/8/2025	100%
9	34/NQ-HĐQT-VECS	30/9/2025	Nghị quyết lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025	100%
10	36/QĐ-VECS-HĐQT	24/10/2025	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế trả lương của VECS	100%
11	38/VECS-HĐQT-NQ	29/10/2025	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp ngày 29/10/2025	100%

6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Quốc tế là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, việc soát xét và kiểm toán các báo cáo tài chính đã được thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định.

7. Tiền lương và thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: tiền lương theo Quy chế trả lương Công ty.
- Thù lao thành viên HĐQT: 4.000.000đ/tháng
- Trưởng ban Kiểm soát (chuyên trách): tiền lương tương đương mức lương Trưởng phòng theo Quy chế trả lương Công ty.
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 2.500.000đ/tháng

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2026

1. Về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của HĐQT

Với chức năng là cơ quan quản lý Công ty, HĐQT sẽ thực hiện đầy các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng Điều lệ của Công ty và pháp luật hiện hành; vì lợi ích của Công ty và cổ đông;

Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, đồng thời sẽ ban hành các Nghị quyết, Quyết định một cách kịp thời, linh hoạt để Ban Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện; Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt hơn và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định đó.

2. Về công tác quản trị

- Tiếp tục rà soát để xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của Công ty làm cơ sở cho công tác quản trị, quản lý, điều hành được chặt chẽ, hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp, tạo sự chủ động trong điều hành của Ban Giám đốc.

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo Ban điều hành trong sản xuất kinh doanh hằng tháng cũng như hằng quý, phấn đấu đạt và vượt mức các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Về sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục định hướng, duy trì, phát triển ngành nghề kinh doanh thế mạnh của VECS về quản lý khai thác thông qua đấu thầu tại các tuyến cao tốc.

Năm 2026, VECS vẫn tập trung chính thực hiện công tác O&M của dự án và đầu tư, khai thác dịch vụ trạm dừng nghỉ, đồng thời đẩy nhanh tiến độ quyết toán các dự án còn giá trị dở dang lớn để thu tiền. Thanh quyết toán công tác O&M, các dự án xây lắp.

Ngoài ra, VECS cần mở rộng các mối quan hệ để tìm kiếm nguồn việc mới để nâng cao năng lực và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 trình ĐHĐCĐ

- Dự kiến doanh thu 2026: 91,87 tỷ
- Lợi nhuận sau thuế: 3,88 tỷ
- Thu nhập bình quân: 9,8 trđ/tháng/người

4. Về công tác tổ chức và cán bộ.

- Tiếp tục kiện toàn, bổ sung bộ máy Ban lãnh đạo, phòng ban và các ban điều hành cho phù hợp với công việc.

- Rà soát đánh giá năng lực cán bộ để bố trí công việc phù hợp hoặc chấm dứt hợp đồng lao động nếu không đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Tiếp tục đào tạo huấn luyện công tác nghiệp vụ cho CBCNV trong công tác quản lý khai thác.

- Áp dụng cơ chế quản lý linh hoạt, đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.



Số: 02/BC-VECS-BKS

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (VECS);

Căn cứ vào báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế, tình hình hoạt động, báo cáo và hồ sơ của Công ty CP Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam (VECS) trong năm tài chính 2025;

Ban Kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động SXKD và thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.

Trong năm 2025, tổng số thành viên Ban Kiểm soát là 03 người, bao gồm một thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

Với vai trò thay mặt cổ đông giám sát tình hình hoạt động của Công ty VECS, trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể:

- Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch kiểm soát định kỳ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, nghiên cứu các tài liệu và đánh giá kết quả hoạt động.

- Tham dự một số phiên họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

- Thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty, thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được ĐHĐCĐ năm 2025 thông qua.

- Kiểm tra tính hợp lý, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định BCTC đã được kiểm toán, báo cáo tình hình kinh doanh, soát xét sổ sách kế toán của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định.



II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đánh giá hoạt động quản trị, điều hành của Công ty

Năm 2025, qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã chỉ đạo các hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Luật DN, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2025 của HĐQT đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như công tác chỉ đạo, điều hành của Công ty.

2. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp định kỳ, các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao để triển khai nhiệm vụ vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát Ban Điều hành việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh năm 2025. Giám sát công tác quản lý, SXKD đúng các quy định của pháp luật, đúng định hướng Nghị quyết đã được HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thông qua

3. Giám sát hoạt động của Ban Điều hành

Trong năm 2025, Ban Điều hành đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao, cụ thể:

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai nhiệm vụ kinh doanh đến các phòng/ban, định hướng các giải pháp đồng bộ để các Phòng, Ban đơn vị chủ động quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.

- Trong các cuộc họp giao ban, Ban Điều hành định kỳ thực hiện việc đánh giá triển khai theo định hướng của HĐQT, đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý theo các mặt hoạt động SXKD.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.

1. Tình hình chung:

Trong năm 2025, tình hình sản xuất kinh doanh của VECS vẫn gặp nhiều khó khăn: một số dự án xây lắp đang trong giai đoạn hoàn công quyết toán, nguồn công việc mới hạn hẹp. Công tác quản lý khai thác các năm trước chưa được quyết toán dứt điểm dẫn đến nguồn tài chính bị giữ lại làm ảnh hưởng đến nguồn vốn hoạt động của Công ty ...

Tuy vậy, VECS luôn đẩy mạnh công tác thanh toán để thu hồi vốn, kiện toàn bộ máy tổ chức để đáp ứng yêu cầu của các dự án, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận theo Nghị quyết của HĐQT và Đại hội cổ đông đề ra.

2. Những biến động trong kỳ báo cáo:

2.1. Công tác tổ chức, quản lý:

- Tổng số CBNCV:

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số CBCNV của Công ty là 145 người (Nam 84 người, nữ 61 người) tăng 10% so với cùng kỳ năm 2024 (131 người). Trong đó:

- + Văn phòng Công ty: 22 người
- + Ban Điều hành Nội Bài - Lào Cai: 92 người
- + Ban Điều hành Cầu Giẽ - Ninh Bình: 01 người
- + Ban Điều hành Tuyên Quang - Phú Thọ: 08 người
- + Ban Điều hành Cam Lộ - La Sơn: 22 người

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty gồm 03 phòng nghiệp vụ (Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kế hoạch Kỹ thuật), (Ban Điều hành Nội Bài - Lào Cai, Ban Điều hành Cầu Giẽ - Ninh Bình, Ban Điều hành Tuyên Quang - Phú Thọ, Ban Điều hành Cam Lộ - La Sơn).

- Công tác lao động tiền lương: Thu nhập bình quân CBCNV: 9,8 triệu đồng/người tháng.

Bên cạnh đó, trong năm 2025, VECS đã rà soát lại một số quy chế, quy định để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của đơn vị.

- Công ty đóng kinh phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động.

2.2. Tình hình triển khai công việc sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, Công ty đã ký được các Hợp đồng với tổng giá trị là 102,305 tỷ đồng với các hạng mục vận hành, bảo trì, sửa chữa, xây lắp trên các tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Cam Lộ - La Sơn, Mai Sơn - Tam Điệp; Tuyên Quang - Phú Thọ.

2.3. Công tác khác

- VECS tiếp tục duy trì hoạt động tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng BIDV nhằm mang lại khoản thu nhập từ lãi tiền gửi.

*** Hoạt động tiền gửi đến 31/12/2025: 23.331.052.318 đ. Chi tiết**

- Ngân hàng BIDV- CN Cầu Giấy (BIDV): 23.331.052.318 đ

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025 đạt xấp xỉ 1,105 triệu đồng

- Tiếp tục hợp tác với Công ty thương mại và dịch vụ Xanh kinh doanh dịch vụ nhà hàng với doanh thu hàng năm là 1,417 tỷ đồng. Đang trong tiến trình hủy Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Xăng dầu Tự Lực I và tìm kiếm đối tác kinh doanh mới. Trong thời gian chờ hủy hợp đồng Công ty chưa thu được khoản doanh thu của Công ty CP Xăng dầu Tự Lực I với mức doanh thu là 102 tr/Quý tính từ thời điểm Quý 4/2025 đến nay.

- VECS tiếp tục cho thuê vị trí đặt biển quảng cáo tại dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai và Cầu Giẽ - Ninh Bình. Với mức doanh thu đạt được từ các vị trí tại đường cao tốc Nội Bài Lào Cai là 100trđ. Tại vị trí cho thuê tuyến cao

tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình doanh thu đã được ghi nhận vào năm 2014 giá trị thuế từ 2014 đến tháng 11/2025 là 862.500.000 đ

- Đối với Trung tâm điều hành Vĩnh Phúc: VECS đã ký Hợp đồng với Công ty cổ phần Đầu tư Thành Long với lợi nhuận được phân chia hàng năm 600trđ/năm và hiện đang triển khai thực hiện.

2.4. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu	89,91	90,88	101%
2	Giá vốn bán hàng	78,27	79,09	
3	Lãi gộp (1-2)	11,64	11,79	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0,91	1,10	
5	Chi phí QL doanh nghiệp	7,80	9,66	
6	Lợi nhuận trước thuế	4,75	3,28	
7	Thuế	0,95	0,49	
8	Lợi nhuận sau thuế (6-7)	3,80	2,79	73%

Lợi nhuận sau thuế không đạt so với kế hoạch là do Công ty đã trích lập dự phòng khoản thu khó đòi 1,56 tỷ đồng theo quy định.

3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và định giá quốc tế (IAV) thực hiện kiểm toán bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2025
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2025
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2025

Ban Kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính của VECS đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá quốc tế (IAV) và thống nhất với ý kiến của Công ty Kiểm toán.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	% tăng giảm năm 2025 so với năm 2024
1	Tổng tài sản	129,6	122,8	105
2	Vốn góp ban đầu	89,37	89,37	100
3	Tổng vốn Chủ sở hữu	92,38	89,59	103
4	Nợ ngắn hạn	37,25	33,25	112
5	Tài sản ngắn hạn	118,6	111,9	105

CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	thực hiện năm 2024	% tăng giảm năm 2025 so với năm 2024
1	Doanh thu	91,98	66,82	138
2	Giá vốn	79,04	57,24	
3	Chi phí QLDN	9,66	7,83	
4	Lợi nhuận trước thuế	3,28	1,75	
5	Lợi nhuận sau thuế	2,79	1,75	
6	Vốn chủ sở hữu	92,38	89,59	103
7	Tổng tài sản	129,6	122,8	105
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	3%	1,95 %	
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	2,15%	1,43 %	

4. Hoạt động thu hồi công nợ:

Đến 31/12/2025, tình hình công nợ phải thu khó đòi của VECS là **12,461** tỷ đồng. Cụ thể:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Tên khách hàng nợ	Số tiền	Số đã trích dự phòng	Ghi chú
1	Công ty CP PTHT và BĐS Thái Bình Dương	1,131	1,131	Đang tìm hiểu để khởi kiện ra tòa
2	Công ty CP Thiết bị GTVT Vietraco	2,499	2,499	Đã có QĐ của TA chuyển THA nhưng chưa có TS để xử lý
3	Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD và TM TLC	2,299	2,299	Đã có QĐ của TA chuyển THA nhưng chưa có TS để xử lý
4	Công ty CP SXKD Vật liệu Phúc Minh	1,455	1,455	Đang tìm hiểu để khởi kiện ra tòa
5	Công ty CP Chứng khoán Trạng An	3,200	3,200	Cty đã phá sản, GĐ đã bị kết án
6	Công ty CPĐT và XNK Mỹ Sơn	0,798	0,798	Đang P/hợp Q/toán Trạm dừng nghỉ Km 171+500 để bù trừ công nợ
7	Ông Bảo Việt Trung & Bà Đoàn Lệ Hoa	0,766	0,766	Bên nợ có đơn xin xem xét miễn khoản tiền lãi.
8	Công ty TNHH Thương mại Như Nguyễn	0,123	0,123	Khách nợ đã ngừng hoạt động
9	Công ty CPXD Toàn Việt	0,68	0,68	Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc liên quan đến công nợ
10	Công ty TNHH MTV 319.5	0,122	0,122	Tiếp tục đôn đốc thu hồi nợ
Tổng cộng		12,461	12,461	

Do các đơn vị đều có tài chính yếu kém, hoặc ngừng hoạt động, có trường hợp còn vướng lao lý nên không thể thu hồi nợ được mặc dù Công ty đã đôn đốc và đã khởi kiện.

Số trích lập dự phòng lũy kế đến ngày 31/12/2025 là **12,461 tỷ đồng**, Đơn vị vẫn đang tiếp tục tăng cường các biện pháp đôn đốc thu hồi số nợ xấu đến 31/12/2025.

5. Nhận xét:

Báo cáo tài chính của VECS cơ bản đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2025. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng trên thuyết minh BCTC cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

6. Đánh giá:

Trong năm 2025, VECS đã nỗ lực khắc phục khó khăn để thực hiện kế

hoạch SXKD và đã đạt được những kết quả sau:

- Doanh thu của VECS năm 2025: 91,98% tỷ đồng đạt 101% so với kế hoạch năm 2025.

- Lợi nhuận của VECS năm 2025; 2,79 tỷ đồng đạt 73% so với kế hoạch năm 2025 (Lợi nhuận không đạt so với kế hoạch là do năm 2025 trích lập dự phòng phải thu khó đòi 1,56 tỷ theo quy định dẫn đến lợi nhuận trước khi trích là 4,35 tỷ - 1,56 tỷ = 2,79 tỷ).

- Tỷ lệ huy động vốn (Nợ phải trả/vốn điều lệ): 37,25 tỷ đồng/89,37 tỷ đồng = 0,41 lần.

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn): 118,6 tỷ đồng/37,25 tỷ đồng = 3,18 lần.

- Đến thời điểm 31/12/2025, tỷ lệ vốn đầu tư chủ sở hữu của VECS trên tổng nguồn vốn là 0,71 lần (92,38 tỷ đồng/129,6 tỷ đồng)

- Đánh giá về mức độ bảo toàn vốn của VECS (Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo/Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề): $92,38/89,59 = 103\%$ tăng 3%.

- Ngoài ra hàng tồn kho là Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình Hạng mục CGNB san lấp mặt bằng (6,885 tỷ) từ năm 2013; Đảm bảo ATGT, chống lóa A5, A7 (1,783 tỷ) từ năm 2018; Gói xây lắp A1.1 (250 triệu) từ năm 2020 cần được xem xét trích lập dự phòng.

Hiện nay các gói thầu thi công giai đoạn 2 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đang quyết toán (cơ bản hoàn thành), các khoản chi phí Công ty đã thực hiện đang treo dở dang, đề nghị Ban điều hành sớm chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ ký quyết toán với các Nhà thầu chính, xuất hóa đơn, thu hồi công nợ tránh nguy cơ không thu hồi được chi phí bỏ ra, làm ảnh hưởng đến vốn CSH (tiềm ẩn nguy cơ).

- Theo đánh giá tình hình thực tế, nếu không thu hồi được công nợ quá hạn (gồm các khoản nợ xấu và các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn) và quyết toán các chi phí SXKD dở dang tại khoản mục Hàng tồn kho (với tổng giá trị tất cả các khoản này khoảng 23,98 tỷ đồng) sẽ dẫn đến Công ty có nguy cơ mất an toàn tài chính, không bảo toàn được vốn.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

- Ban Kiểm soát kiến nghị Công ty trích lập dự phòng các khoản phải thu còn tồn đọng phù hợp theo đúng quy định và tiếp tục xử lý thu hồi công nợ còn tồn đọng để cải thiện dòng tiền cho công ty.

- Phối hợp làm việc với VEC và các đơn vị nhà thầu để giải quyết dứt điểm công tác quyết toán O&M các năm và các công trình sửa chữa xây lắp đã hoàn thành chưa được quyết toán.

- Công ty cần tìm kiếm nhiều công việc hơn và tiếp tục duy trì tăng cường việc quản lý tài chính để tiết giảm chi phí trực tiếp, gián tiếp từ đó tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty.

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cũng như Quy chế Ban Kiểm soát đã ban hành.

- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành;

- Tổ chức thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2026;

- Thực hiện báo cáo định kỳ của Ban Kiểm soát;

- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

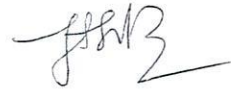
Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Cty;
- HĐQT, BDH Cty;
- Các UV BKS;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thị Hiền



Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Số: 05/TTr-VECS-BKS

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026)

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông - Công ty cổ phần Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ danh sách các đơn vị kiểm toán đã được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận kiểm toán báo cáo tài chính của các Công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Dịch vụ đường Cao tốc Việt Nam xem xét phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 như sau :

1/ Danh sách các Công ty kiểm toán :

- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - TDK

2/ Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán :

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các Công ty Kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

Trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét cho ý kiến để biểu quyết, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Thị Hiền

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số: 15 /TTr-VECS-HĐQT

TỜ TRÌNH

Phê duyệt tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và dự kiến năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-VECS-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét và thông qua mức tiền lương, thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao cho năm tài chính 2026 như sau:

1. Tiền lương, thù lao chi trả trong năm 2025:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Tiền lương theo Quy chế trả lương Công ty
- Thù lao thành viên HĐQT: 4.000.000đ/tháng
- Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: Tiền lương tương đương mức lương Trưởng phòng theo Quy chế trả lương Công ty.
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 2.500.000đ/tháng

2. Tiền lương, thù lao dự kiến chi trả trong năm 2026:

Hội đồng quản trị đề xuất mức thù lao đối với thành viên HĐQT và thành viên BKS trong năm tài chính 2026 như sau:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách: Tiền lương theo Quy chế trả lương Công ty
- Thù lao thành viên HĐQT: 4.000.000đ/tháng
- Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: Tiền lương tương đương mức lương Trưởng phòng theo Quy chế trả lương Công ty.
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 2.500.000đ/tháng

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Bùi Thái Hòa

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Số: 16 /TTr-VECS-HĐQT

TỜ TRÌNH
Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần dịch vụ đường cao tốc Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	-678.707.776	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025	2.790.036.000	
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2025 (1+2)	2.111.328.224	
4	Trích lập các quỹ	207.693.974	
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	207.693.974	~10% LNSTCPP
5	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền	1.903.634.250	(tỷ lệ 2.13% x VDL)
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (3-4-5)	0	

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Website;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Thái Hòa

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 -5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 -7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102680481 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ mười tám ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Thái Hoà	Chủ tịch	
Ông Trần Văn Thế	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 16/05/2025
	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Trương Hùng Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Nguyễn Tiên Phong	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Đào Hoàng Tùng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Tạ Văn Luận	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Phạm Thị Hiền	Trưởng ban	
Bà Lê Nguyễn Thuỳ Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/04/2025
Ông Đỗ Trung Hiếu	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/04/2025
Bà Phùng Lan Hương	Thành viên	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Tiên Phong	Giám đốc	
Bà Trần Thị Thu Hương	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Tú	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Duy Khánh	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 02/06/2025
Ông Nguyễn Xuân Hoàng	Kế toán trưởng	

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiên Phong - Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Tiên Phong

Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Số: 03101/2025/ BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐƯỜNG CAO TỐC VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.7 – Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hạng mục hạ tầng trạm dừng nghỉ - Dự án xây dựng đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình với giá trị 6.885.175.173 đồng phát sinh và tồn đọng từ năm 2013. Với những thông tin được cung cấp, chúng tôi không đánh giá được số dư, giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm 31/12/2025 của chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến công trình này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh 5.1-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu thi công hàng rào tôn và đảm bảo giao thông trên tuyến trong quá trình thi công phân đoạn từ Km190+420 – Km209+233,08 thuộc Dự án xây dựng mở rộng đoạn Yên Bái – Lào Cai thuộc tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai với giá trị 6.184.834.516 căn cứ theo hợp đồng số 412/HĐKT/319-VECS/2025 ngày 09/12/2025 với Tổng Công ty 319 Bộ quốc phòng và Nghiệm thu khối lượng hoàn thành đưa vào thanh toán (đợt 1) ngày 30/12/2025 với Tổng Công ty 319 Bộ quốc phòng-Ban Điều hành thi công công trình số 2-TCT319.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



NGUYỄN MINH TỬ

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2721-2023-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

NGUYỄN VĂN VIỆT

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 5369-2025-283-1

299
ÔN
TN
A TC
ĐINH
QUỐC
PH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		118.561.969.226	111.946.629.125
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	9.444.187.451	8.551.117.592
1. Tiền	111		744.187.451	2.851.117.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.700.000.000	5.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.631.052.318	21.897.032.998
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	14.631.052.318	21.897.032.998
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.233.919.824	57.098.907.430
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	57.652.903.867	40.171.147.614
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.224.065.746	4.103.731.158
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	19.818.181.340	23.721.424.153
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(12.461.231.129)	(10.897.395.495)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	23.987.686.886	23.749.207.842
1. Hàng tồn kho	141		23.987.686.886	23.749.207.842
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		265.122.747	650.363.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	251.307.000	253.028.752
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(8.635.556)	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	22.451.303	397.334.511
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.047.545.918	10.900.958.844
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.003.046.000	1.003.046.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.003.046.000	1.003.046.000
II. Tài sản cố định	220		9.642.903.285	9.370.495.733
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	9.642.903.285	9.370.495.733
- Nguyên giá	222		25.329.908.757	24.306.019.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.687.005.472)	(14.935.524.135)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		401.596.633	527.417.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	401.596.633	527.417.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		129.609.515.144	122.847.587.969

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		37.225.152.579	33.253.261.404
I. Nợ ngắn hạn	310		37.225.152.579	33.253.261.404
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	18.591.187.602	17.898.784.702
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	8.627.917.093	423.288.425
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	653.175.513	509.252.479
4. Phải trả người lao động	314		1.240.983.317	1.128.718.040
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	3.728.871.868	9.809.788.020
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.14	665.277.775	590.277.776
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	3.716.343.932	2.891.756.483
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.395.479	1.395.479
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.384.362.565	89.594.326.565
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.16	92.384.362.565	89.594.326.565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.372.500.000	89.372.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.372.500.000	89.372.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		900.534.341	900.534.341
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.111.328.224	(678.707.776)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(678.707.776)	(2.429.222.427)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.790.036.000	1.750.514.651
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		129.609.515.144	122.847.587.969

Phan Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiên Phong
Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	90.858.276.212	65.821.065.970
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		90.858.276.212	65.821.065.970
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	79.020.668.642	57.197.071.888
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.837.607.570	8.623.994.082
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.105.009.949	995.208.905
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.585.619	1.446.038
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.585.619	1.446.038
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	9.657.788.244	7.824.469.161
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.283.243.656	1.793.287.788
11. Thu nhập khác	31	5.6	21.000.000	-
12. Chi phí khác	32	5.7	17.287.863	42.773.137
13. Lợi nhuận (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		3.712.137	(42.773.137)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.286.955.793	1.750.514.651
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	496.919.793	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.790.036.000	1.750.514.651
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.9	312,18	195,87
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.9	312	196


Phan Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Tiên Phong
Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.286.955.793	1.750.514.651
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02		782.914.377	615.001.722
- Các khoản dự phòng	03		1.563.835.634	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.105.009.949	(995.208.905)
- Chi phí lãi vay	06		1.585.619	1.446.038
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.740.301.372	1.371.753.506
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.315.329.264)	(1.248.511.584)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(238.479.044)	(4.226.199.232)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.822.507.067	563.764.270
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		127.542.230	518.154.262
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.082.501.771)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(350.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(31.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.054.040.590	(3.402.038.778)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(1.398.148.148)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(61.612.641.908)	(8.341.989.895)
3. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ khác	24		57.346.661.228	2.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.105.009.949	995.208.905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.160.970.731)	(6.744.929.138)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.538.070.841	1.766.467.535
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.538.070.841)	(1.766.467.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		893.069.859	(10.146.967.916)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.551.117.592	18.698.085.508
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70		9.444.187.451	8.551.117.592


Phan Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng


Nguyễn Tiên Phong
Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ đường cao tốc Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102680481 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ mười tám ngày 15 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 89.372.500.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ, ba trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 8.937.250 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 145 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 141 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây dựng các công trình dân dụng và kỹ thuật.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm.

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Bán buôn, bán lẻ đồ lưu niệm;
- Dịch vụ kho bãi;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ viễn Thông;
- Kinh doanh Nhà hàng, khách sạn;
- Kinh doanh xăng dầu, các chế phẩm từ xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, công trình công ích;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;...

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1. Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.5. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

3.6. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được theo dõi chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình cụ thể. Khi công trình hoàn thành, hoặc hoàn thành một phần và khối lượng hoàn thành được khách hàng xác nhận thì giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được kết chuyển vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ hoàn thành thực tế. Việc tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 – Hợp đồng xây dựng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định khác	04 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

3.9. Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

3.11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (hoặc Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả tại ngày chốt quyền Cổ đông) .

3.14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của giá vốn hợp đồng xây dựng, sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	32.993.660	579.785.993
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	711.193.791	2.271.331.599
Các khoản tương đương tiền	8.700.000.000	5.700.000.000
Tổng	9.444.187.451	8.551.117.592

Các khoản tương đương tiền của Công ty là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB – CN Hà Thành với kỳ hạn từ 01 tháng đến 6 tháng và lãi suất tùy theo từng ngân hàng.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	14.631.052.318	14.631.052.318	21.897.032.998	21.897.032.998
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	14.631.052.318	14.631.052.318	21.897.032.998	21.897.032.998
	14.631.052.318	14.631.052.318	21.897.032.998	21.897.032.998

Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội SHB – CN Hà Thành với lãi suất theo từng thời kỳ của các ngân hàng.

4.3. Phải thu khách hàng**Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng công ty xây dựng số 1- CTCP	6.324.016.279	6.037.524.629
Tổng Công ty Đầu Tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam	18.820.887.175	10.224.470.362
Công ty CP quản lý và Đầu tư XD công trình 238	1.301.935.306	5.620.203.797
Công ty CP vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	4.020.414.457	2.295.564.435
Phải thu khách hàng khác	27.185.650.650	15.993.384.391
Tổng	57.652.903.867	40.171.147.614

Phải thu khách hàng ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)

22.841.301.632 12.520.034.797

4.4. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP SXKD VL xây dựng Phúc Minh	1.454.828.918	1.454.828.918
Công ty TNHH Xây dựng Lâm Anh Vạn Thắng	-	1.178.585.231
Công ty TNHH Phạm Tải		930.894.916
Công ty TNHH SX VA TM PTP Việt Nam	1.956.521.444	-
Đối tượng khác	1.812.715.384	539.422.093
Tổng	5.224.065.746	4.103.731.158

4.5. Phải thu khác

4.5.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	1.076.742.400	-	488.206.932	-
Phải thu BHXH	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Phải thu khác	18.741.438.940	3.244.993.142	23.233.217.221	3.244.993.142
<i>Tổng Công ty</i>	8.106.741.142	-	16.786.428.749	-
<i>Đầu Tư Phát triển</i>				
<i>Đường Cao tốc</i>				
<i>Việt Nam</i>				
<i>Cty CP Chứng</i>	3.199.777.778	3.199.777.778	3.199.777.778	3.199.777.778
<i>khoán Trạng An</i>				
<i>Các khoản khác</i>	7.434.920.020	45.215.364	3.247.010.694	45.215.364
Tổng	19.818.181.340	3.244.993.142	23.721.424.153	3.244.993.142
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	8.106.741.142		16.786.428.749	

4.5.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	3.046.000		3.046.000	
Phải thu Hợp đồng hợp tác Kinh doanh trạm Dịch vụ Km 171+500 Cao tốc	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	1.003.046.000	-	1.003.046.000	-

4.6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian	Giá gốc	Giá trị	Thời gian	Giá gốc	Giá trị
	quá hạn	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.						
Công ty CP Chứng khoán Trảng An	Trên 3 năm	3.199.777.778	-	Trên 3 năm	3.199.777.778	-
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng và TM TLC	Trên 3 năm	2.299.310.959	-	Trên 3 năm	2.299.310.959	-
Công ty CP Sản xuất kinh doanh VL xây dựng Phúc Minh	Trên 3 năm	1.454.828.918	-	Trên 3 năm	1.454.828.918	-
Công ty CP Phát triển hạ tầng và BĐS Thái Bình Dương	Trên 3 năm	1.131.104.236	-	Trên 3 năm	1.131.104.236	-
Công ty CP Thiết bị giao thông vận tải Vietraco	Trên 3 năm	2.498.964.146	-	Trên 3 năm	2.498.964.146	-
Đối tượng khác	Trên 3 năm	1.877.245.092	-	Trên 3 năm	1.877.245.092	-
	-	12.461.231.129	-	-	12.461.231.129	-

4.7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Chi phí SXKD dở dang	23.987.686.886	-	23.749.207.842	-
Tổng	23.987.686.886	-	23.749.207.842	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Giá trị hạng mục Cầu Giẽ - Ninh Bình (i)	6.885.175.173	-	6.885.175.173	-
Vận hành bảo trì, thu phí đường cao tốc NB-LC (ii)	4.903.192.611	-	4.903.192.611	-
Vận hành bảo trì Cao tốc ĐNQN từ Km 0 - Km 65 (ii)	5.485.674.507	-	5.485.674.507	-
Đảm bảo ATGT, phân cách giữa, chống lóa A5, A7 (Quảng Tây) (iii)	1.783.748.464	-	1.783.748.464	-
Công trình dự án khác	4.929.896.131	-	4.691.417.087	-
Tổng	23.987.686.886	-	23.749.207.842	-

- (i) Biên bản làm việc giữa VEC và Hanshin - VECS ngày 27/10/2011, theo đó VEC đồng ý ký hợp đồng Đầu tư - Kinh doanh - Chuyển giao với nhà đầu tư là hai pháp nhân Hanshin E&C và VECS trước khi liên doanh Hanshin - VECS được thành lập và yêu cầu liên doanh Hanshin - VECS triển khai ngay việc đưa thiết bị vào san lấp và bảo vệ mặt bằng tránh người dân tái lấn chiếm. Dự án do liên doanh Công ty Hanshin E&C - VECS để thực hiện. Tuy nhiên, ngày 16/07/2013, Công ty Hanshin E&C xin rút khỏi dự án do chưa thống nhất được hợp đồng với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam (VEC). Ngày 19/8/2013 VEC có văn bản số 2751/VEC-QLKT chấp thuận đề nghị rút khỏi và không tiếp tục đầu tư Trạm dịch vụ của Công ty Hanshin E&C. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của VEC, từ ngày 12/02/2014 đến ngày 17/02/2014 Ban quản lý dự án Cầu Giẽ - Ninh Bình, Tư vấn giám sát QC1, VECS đã tiến hành đo đạc, kiểm tra khối lượng thi công của VECS và đã xác nhận: Tổng diện tích thi công 82.509 m²/83.000m²; Khối lượng cát đắp 32.215 m³/36.328m³; Khối lượng đường công vụ (đắp bằng đá hỗn hợp): 4.825m³/5.176m³ - Biên bản kiểm tra khối lượng thi công ngày 12/02/2014). Để đảm bảo tiến độ đầu tư Trạm dừng nghỉ, ngày 03/4/2014 VEC đã lựa chọn Công ty TNHH Thụy Dương là nhà đầu tư Trạm dừng nghỉ Km 227+00 thuộc dự án xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (tại vị trí mà Hanshin-VECS đã đầu tư từ trước đây). Từ ngày 14/4/2014 đến ngày 26/4/2014 VECS đã cùng BQLDA Cầu Giẽ - Ninh Bình, nhà thầu thi công gói thầu 10.2A - Hạ tầng trạm dừng nghỉ Km227+00 Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình kiểm tra hiện trường và xác nhận các phạm vi VECS đã san lấp trùng với phạm vi thi công của nhà thầu thi công gói 10.2A (Biên bản xác nhận diện tích san nền ngày 26/4/2014). Ngày 25/06/2015, Công ty đã có Báo cáo số 120/BC-VECS gửi Tổng Công ty kiến nghị được thanh toán khối lượng, kinh phí Trạm dừng nghỉ do VECS đã thực hiện như trên.

Văn bản số 209/CV-EPMUCGNB ngày 22/7/2015 của Ban quản lý Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình về việc xác nhận khối lượng đã thi công san lấp trạm dừng nghỉ lý Dự án đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình trong đó có các nội dung chủ yếu:

- a. Việc triển khai đầu tư công trình khu dịch vụ đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (giai đoạn 1) được Liên doanh Công ty Hanshin E&C và VECS thực hiện theo công văn yêu cầu số 1788/VEC-KHĐT ngày 23/8/2011 của VEC. Trong quá trình nhà đầu tư triển khai, Ban QLDA không được giao nhiệm vụ quản lý giám sát.
- b. Khi VEC có chủ trương triển khai trạm dừng nghỉ Km226+769-Km228+428, Ban QLDA đã cùng tư vấn giám sát QCI, VECS tiến hành kiểm tra hiện trạng và khối lượng thực hiện (bằng biện pháp đào kiểm tra chiều dày) để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.
- c. Tại thời điểm Liên doanh Công ty TNHH Hợp Tiến và Công ty TNHH Bảo Sơn chuẩn bị triển khai thi công hạ tầng trạm dừng nghỉ Ban QLDA đã cùng đơn vị thi công và VECS xác nhận diện tích đơn vị thi công trên nền Liên doanh Công ty cho Công ty Hanshin E&C và VECS đã triển khai. Căn cứ biên bản xác nhận khối lượng và Biên bản xác nhận diện tích, Ban QLDA xác nhận khối lượng Liên doanh Công ty Hanshin E&C và VECS đã thi công trên nền của hạ tầng trạm dừng nghỉ với khối lượng san nền: 29.255,65m³.

Công ty đã có Báo cáo số 4229/BC-VECS gửi Hội đồng thành viên Tổng Công ty VEC kiến nghị thanh toán cho Công ty phần khối lượng đã thực hiện tại Trạm dịch vụ Cầu Giẽ - Ninh Bình. Đến nay, VECS chưa nhận được phương án xử lý khoản chi phí dở dang này từ VEC.

- (ii) Là các công trình đã hoàn thành năm 2022 đang chờ quyết toán với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam.
- (iii) Là Thi công Công trình đảm bảo an toàn giao thông, phân cách giữa A5, A7 Quảng Tây, phát sinh từ năm 2018 chưa quyết toán với Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam.

4.8. Chi phí trả trước

4.8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê văn phòng và chi phí khác	251.307.000	253.028.752
Tổng	251.307.000	253.028.752

4.8.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	303.483.103	328.818.100
Quy hoạch quảng cáo	98.113.530	193.803.351
Chi phí bảo lãnh	-	4.795.660
Tổng	401.596.633	527.417.111

4.9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	509.252.479	-	1.795.729.813	1.798.726.572	506.255.720	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	350.000.000	496.919.793	-	146.919.793	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.517.956	47.166.507	48.099.854	-	22.451.303
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	-	291.709.861	291.709.861	-	-
Các loại thuế khác	-	25.816.555	25.816.555	-	-	-
Tổng	509.252.479	397.334.511	2.657.342.529	2.138.536.287	653.175.513	22.451.303

4.10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	15.195.244.504	643.630.364	6.812.595.731	35.866.667	1.618.682.602	24.306.019.868
Tăng trong năm	-	6.000	1.023.888.889	-	90	1.023.894.979
- Mua trong năm		-	1.023.888.889			1.023.888.889
- Tặng khác	-	6.000			90	6.090
Giảm trong năm	(6.090)	-	-	-	-	(6.090)
- Giảm khác	(6.090)	-				(6.090)
Số cuối năm	15.195.238.414	643.636.364	7.836.484.620	35.866.667	1.618.682.692	25.329.908.757
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	7.317.102.523	480.296.016	5.517.898.647	35.866.667	1.584.360.282	14.935.524.135
Tăng trong năm	323.439.696	71.863.644	321.861.685	-	34.322.410	751.487.435
- Khấu hao trong năm	323.439.696	71.863.644	321.861.685	-	34.316.312	751.481.337
- Tặng khác		-			6.098	6.098
Giảm trong năm	(6.090)	(8)	-	-	-	(6.098)
- Giảm khác	(6.090)	(8)	-	-	-	(6.098)
Số cuối năm	7.640.536.129	552.159.652	5.839.760.332	35.866.667	1.618.682.692	15.687.005.472
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Tại ngày đầu năm	7.878.141.981	163.334.348	1.294.697.084	-	34.322.320	9.370.495.733
- Tại ngày cuối năm	7.554.702.285	91.476.712	1.996.724.288	-	-	9.642.903.285

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 4.858.439.136 đồng (tại 01/01/2025: 4.858.439.136 đồng)

4.11. Phải trả người bán

4.11.1. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Công ty Cổ phần xây lắp 898	7.126.191.916	7.126.191.916	5.126.268.661	5.126.268.661
Công ty CP ĐTXD số 6	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209	2.034.659.209
Công ty CP xây lắp công nghiệp Nam Định	1.915.159.999	1.915.159.999	2.124.445.403	2.124.445.403
Các đối tượng khác	7.515.176.478	7.515.176.478	8.613.411.429	8.613.411.429
Tổng	18.591.187.602	18.591.187.602	17.898.784.702	17.898.784.702

4.12. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty cổ phần Tổng Công ty xây dựng Nghệ An	1.279.397.960	-
Tổng Công ty 319 Bộ quốc phòng	3.664.305.604	-
Công ty cổ phần Sông Đà 10	971.986.521	-
Công ty cổ phần 471	1.906.000.000	-
Công ty cổ phần Giao thông Xây dựng số 1	806.227.000	-
Công ty CP PLD Phú Lâm	-	422.894.000
Các đối tượng khác	8	394.425
Tổng	8.627.917.093	423.288.425

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí giá vốn các dự án	3.728.871.868	9.809.788.020
	3.728.871.868	9.809.788.020

4.14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước cho thuê dài hạn	665.277.775	590.277.776
Tổng	665.277.775	590.277.776

4.15. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	-	64.707
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.716.343.932	2.891.691.776
<i>Dương Văn Luận - Ban ĐH ĐN-QN</i>	<i>179.038.090</i>	<i>179.038.090</i>
<i>Nguyễn Hồng Tú - Ban NBLC</i>	<i>1.284.810.018</i>	<i>1.620.256.048</i>
<i>Phạm Cao Cường</i>	<i>1.226.572.156</i>	<i>94.018.616</i>
<i>Phùng Đại Giang</i>	<i>156.793.765</i>	<i>115.575.619</i>
<i>Công ty cổ phần xăng dầu tự lực I</i>	<i>66.500.000</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>802.629.903</i>	<i>882.803.403</i>
Tổng	3.716.343.932	2.891.756.483

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	89.372.500.000	900.534.341	(2.429.222.427)	87.843.811.914
Tăng trong năm trước	-	-	1.750.514.651	1.750.514.651
- Lãi trong năm trước	-	-	1.750.514.651	1.750.514.651
Số dư cuối năm trước	89.372.500.000	900.534.341	(678.707.776)	89.594.326.565
Tăng trong năm	-	-	2.790.036.000	2.790.036.000
- Lãi trong năm	-	-	2.790.036.000	2.790.036.000
Số dư cuối năm nay	89.372.500.000	900.534.341	2.111.328.224	92.384.362.565

4.16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000	22,38%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	20.000.000.000	22,38%	20.000.000.000	22,38%
Công ty CP Đầu tư Thùy Dương	-		20.000.000.000	22,38%
Công ty CP Đầu tư và phát triển Indel	18.251.000.000	20,42%	-	
Cổ đông khác	31.121.500.000	34,82%	29.372.500.000	32,87%
Tổng	89.372.500.000	100,00%	89.372.500.000	100,00%

4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	89.372.500.000	89.372.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	89.372.500.000	89.372.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.16.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.937.250	8.937.250
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu phổ thông	8.937.250	8.937.250
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	49.179.589.685	12.164.587.173
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.277.385.527	44.618.304.684
Doanh thu bán hàng	401.301.000	9.038.174.113
Tổng	90.858.276.212	65.821.065.970
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 7.2)	35.490.628.232	45.783.011.243

Năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu thi công hàng rào tôn và đảm bảo giao thông trên tuyến trong quá trình thi công phân đoạn từ Km190+420 – Km209+233,08 thuộc Dự án xây dựng mở rộng đoạn Yên Bái – Lào Cai thuộc tuyến cao tốc Nội Bài – Lào Cai với giá trị 6.184.834.516 căn cứ theo hợp đồng số 412/HĐKT/319-VECS/2025 ngày 09/12/2025 với Tổng Công ty 319 Bộ quốc phòng và Nghiệm thu khối lượng hoàn thành đưa vào thanh toán (đợt 1) ngày 30/12/2025 với Tổng Công ty 319 Bộ quốc phòng-Ban Điều hành thi công công trình số 2-TCT319.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán xây dựng công trình	41.246.143.733	10.660.521.547
Giá vốn cung cấp dịch vụ	37.374.193.982	37.542.240.841
Giá vốn bán hàng	400.330.927	8.994.309.500
Tổng	79.020.668.642	57.197.071.888

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.105.009.949	995.208.905
Tổng	1.105.009.949	995.208.905

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.585.619	1.446.038
Tổng	1.585.619	1.446.038

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.956.237.483	4.943.334.409
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	524.944.123	443.624.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	187.500.000	70.564.516
Thuế, phí và lệ phí	142.253.670	76.993.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.547.162.190	1.496.696.035
Chi phí khác bằng tiền	735.855.144	793.256.921
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản nợ phải thu khó đòi	1.563.835.634	-
Tổng	9.657.788.244	7.824.469.161

5.6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	21.000.000	-
Tổng	21.000.000	-

5.7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	17.287.863	42.773.137
Tổng	17.287.863	42.773.137

5.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	496.919.793	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	496.919.793	-

5.9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.790.036.000	1.750.514.651
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.790.036.000	1.750.514.651
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	8.937.250	8.937.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	312,18	195,87

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 có thể được phân bổ đầy đủ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ thay đổi.

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.973.555.658	443.624.120
Chi phí nhân công	20.649.828.637	18.067.821.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định, công cụ dụng cụ	1.062.359.479	615.001.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.736.925.772	41.305.671.098
Chi phí khác bằng tiền	2.486.533.744	1.159.431.760
Tổng	69.909.203.290	61.591.549.921

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.538.070.841	1.766.467.535
Tổng	1.538.070.841	1.766.467.535

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.538.070.841	1.766.467.535
Tổng	1.538.070.841	1.766.467.535

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động của Công ty là thuê văn phòng làm việc, thanh toán trước 06 tháng một lần và được công ty phân bổ theo thời gian thanh toán trước.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Cùng nhà đầu tư
Bùi Thái Hòa	Chủ tịch kiêm Người phụ trách
Trần Văn Thế	Quản trị Công ty
Trương Hùng Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Quang Vinh	Thành viên HĐQT
Đào Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT
Tạ Văn Luận	Thành viên HĐQT
Phạm Thị Hiền	Thành viên HĐQT
Nguyễn Tiên Phong	Trưởng Ban kiểm soát
Trần Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT-Giám đốc
Nguyễn Hồng Tú	Phó Giám đốc
Bùi Duy Khánh	Phó Giám đốc
Nguyễn Xuân Hoàng	Phó Giám đốc
	Kế toán trưởng

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Bùi Thái Hòa	Chủ tịch HĐQT	419.412.661	452.890.367
Nguyễn Quang Vinh	Thành viên HĐQT	24.000.000	16.200.000
Trương Hùng Sơn	Thành viên HĐQT	24.000.000	16.200.000
Phạm Thị Hiền	Trưởng BKS	216.056.989	245.884.592
Lê Nguyễn Thùy Giang	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Phùng Lan Hương	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Tiên Phong	Giám Đốc	375.766.261	379.195.000
Trần Thị Thu Hương	Phó giám đốc	258.290.618	269.168.988
Nguyễn Hồng Tú	Phó giám đốc	275.170.422	312.846.309
Bùi Duy Khánh	Phó giám đốc	109.380.924	-
Nguyễn Xuân Hoàng	Kế toán trưởng	255.042.400	258.119.036
Tổng		1.981.120.275	1.974.504.292

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nội dung giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam	Xây dựng và dịch vụ	27.515.455.147	36.025.652.798
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Bán hàng và dịch vụ	7.975.173.085	9.757.358.445

213.
S T Y
'H
ÁN
GIÁ
TẾ
HÀ


Mua hàng hóa dịch vụ từ Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.840.775.989	10.220.394.007
Số dư với các bên liên quan			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam		18.820.887.175	10.224.470.362
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam		4.020.414.457	2.295.564.435
Tổng		22.841.301.632	12.520.034.797
Phải thu ngắn hạn khác		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam		8.106.741.142	16.786.428.749
Công ty CP Vận hành và bảo trì đường cao tốc Việt Nam			

7.3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.


Phan Thị Bảo Ngọc
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Hoàng
Kế toán trưởng



Nguyễn Tiên Phong
Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2026

